TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **574/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2023
V/v: *Xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Sen**

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà **Bùi Thị Hạnh**

2. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Phạm Quang Huy** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 382/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2023/QĐST-HPT ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thanh T, sinh năm 1985; HKTT và nơi ở: Số 49B ngõ 32 đường B, phường N, quận B, thành phố H. (Chị T có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Dũng S, sinh năm 1983; HKTT và nơi ở: Số 49B ngõ 32 đường B, phường N, quận B, thành phố H. (Anh S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn – chị Vũ Thanh T trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Dũng S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận B, thành phố H vào ngày 03/01/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, Quyển số II. Sau khi kết hôn anh, chị về chung sống ở nhà mẹ chị tại địa chỉ số 49B ngõ 32 đường B, phường N, quận B, thành phố H. Chị và anh S chung sống với nhau đến cuối năm 2015 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Cuộc sống riêng của vợ chồng không hòa hợp. Anh chị đã không nói chuyện với nhau từ rất lâu. Từ năm 2016 đến nay, anh chị chỉ nói những chuyện liên quan đến con chứ không hề nói chuyện tình cảm vợ chồng. Thời gian cũng quá lâu và không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, vì vậy tình cảm ngày càng phai nhạt. Anh chị ở chung nhà nhưng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, mỗi người một phòng.

Hiện nay anh S thường xuyên đi làm xa, thỉnh thoảng có về nhà, đi về thất thường. Anh S có biết việc Tòa án quận B đang giải quyết vụ án ly hôn của anh, chị. Tuy nhiên, anh S nói là không đến Tòa án để giải quyết và để Tòa án giải quyết vắng mặt anh S. Mâu thuẫn của anh chị, gia đình có biết nhưng không hàn gắn được cho anh chị.

Nay chị T cảm thấy cuộc sống gia đình quá nhạt nhẽo, không còn sự gắn kết, yêu thương, quan tâm chăm sóc đến nhau. Chị T cũng không còn tình cảm với anh S. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

- Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 17/9/2007 và Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 18/4/2015. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh S đóng góp tiền nuôi con. Hiện tại chị đang làm quản lý ngành hàng của Winmart thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra chị còn kinh doanh ngoài thu nhập thêm được khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu anh S đóng góp nuôi con cho tôi.

- Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Chị T và anh S không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Chị T và anh S không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn được và cũng không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 11/7/2023, và ngày 12/7/2023 cháu Nguyễn Tuấn T và cháu Nguyễn Nhật Đ (là con chung của anh Nguyễn Dũng S và chị Vũ Thanh T) cùng có nguyện vọng xin được ở với chị T.

Tại biên bản trao đổi ngày 07/7/2023, ông Vũ Văn Đ1 tổ trưởng tổ dân phố số 2, phường N cung cấp: Vợ chồng chị Vũ Thanh T và anh Nguyễn Dũng S cùng trú tại địa chỉ: số 49B ngõ 32 đường B, phường N, quận B, thành phố H. Quá trình chung sống tại địa phương giữa chị T và anh S có mâu thuẫn hay không ông không nắm được. Chị T và anh S có 2 con chung là cháu Nguyễn Tuấn T và Nguyễn Nhật Đ. Chị T và anh S có tài sản hay không, ông không nắm được. Tòa án đã nhiều lần đến giao văn bản tố tụng cho anh S nhưng anh S thường xuyên đi vắng nên Tòa án đã giao văn bản tố tụng cho ông để ông đi tống đạt cho anh S. Tuy đã nhiều lần xuống tống đạt các văn bản cho anh S nhưng ông không gặp và không giao được cho anh S. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/7/2023, bà Lê Thị Th (mẹ đẻ của chị Vũ Thanh T) trình bày: Con gái bà là chị Vũ Thanh T và anh Nguyễn Dũng S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận B, thành phố H năm 2007. Sau khi kết hôn chị T và anh S sống nhờ nhà bà tại địa chỉ số 49B ngõ 32 đường B, phường N, quận B, thành phố H. Trong quá trình chung sống, chị T và anh S có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân vài năm nay. Nay chị T xin ly hôn anh S, bà là mẹ của chị T, mặc dù bà không mong muốn việc con bà phải ly hôn nhưng bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T để chị T được ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 17/9/2007 và Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 18/4/2015. Từ khi cháu T và cháu Đ sinh ra đều sống cùng chị T tại nhà bà. Nay chị T xin nuôi cả hai con chung, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Nếu chị T được nuôi con, bà nhất trí cho mẹ con chị T ở nhờ nhà bà và bà sẽ tạo điều kiện về nơi ăn chốn ở cho chị T nuôi con.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51; 56; 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử cho chị Vũ Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Dũng S; về con chung: Giao 02 con chung

là cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 17/9/2007 và Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 18/4/2015 cho chị T trực tiếp trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung và tiền cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thanh T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Dũng S. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Dũng S là bị đơn trong vụ án có Hộ khẩu thường trú tại: Số 49B ngõ 32 đường B, phường N, quận B, thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Dũng S không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh S theo quy định của pháp luật nhưng anh S vẫn không đến tham gia tố tụng và không tham gia xét xử tại phiên tòa. Đây là lần thứ 2 anh S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào các chứng cứ do các đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án đã thu thập, có đủ cơ sở xác định: Chị Vũ Thanh T và anh Nguyễn Dũng S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận B, thành phố H vào ngày 03/01/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, Quyển số II. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù sống chung nhà nhưng anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Vũ Thanh T và anh Nguyễn Dũng S đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh S là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 17/9/2007 và Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 18/4/2015. Sau khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay thu nhập hàng tháng của chị T khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Chị T yêu cầu anh S đóng góp nuôi con cho chị. Anh S không đến Tòa và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Các cháu Nguyễn Tuấn T và cháu Nguyễn Nhật Đ cùng có nguyện vọng xin được ở với chị T. Bà Lê Thị Th (là mẹ đẻ của chị Vũ Thanh T) nhất trí cho mẹ con chị T ở nhờ nhà bà và bà sẽ tạo điều kiện về nơi ăn chốn ở cho chị T nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T có đủ điều kiện kinh tế và điều kiện về nơi ở để chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Nguyện vọng của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Tuấn T và cháu Nguyễn Nhật Đ, không làm ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống của các con chung nên được chấp nhận. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Tuấn T và cháu Nguyễn Nhật Đ cho chị Vũ Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S không có ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến tài sản chung và nhà ở chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung của chị T, anh S.

- Về các khoản nợ: Chị T xác nhận anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thanh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Luật phí và lệ phí Tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thanh T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Dũng S.

3. Về việc nuôi con chung: Chị Vũ Thanh T và anh Nguyễn Dũng S có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 17/9/2007 và Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 18/4/2015.

Giao cháu Nguyễn Tuấn T và cháu Nguyễn Nhật Đ cho chị Vũ Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Dũng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho chị T bằng vụ kiện dân sự khác nếu chị T có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về các khoản nợ: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vũ Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0007978 ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Vũ Thanh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Dũng S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND TP. H;*
- *VKSND quận B;*
- *Chi Cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường/xã nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Dương Thị Sen

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Sen

Nơi nhận:
- *TAND TP. H;*
- *VKSND quận B;*
- *Chi Cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường/xã nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Sen

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Dương Thị Sen